

Bản án số: 197/2025/DS-PT

Ngày 18 - 3 - 2025

V/v "Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Bà Huỳnh Thanh Duyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3224/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Thạch Thị V (tên gọi khác: Thạch Thị V1), sinh năm 1960 (vắng mặt);

2. Bà Thạch Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3. Ông Thạch Khem Ma R, sinh năm 1986 (có mặt);

4. Ông Thạch Si R1, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Thạch Si T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

6. Bà Thạch Su Va N, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

7. Bà Thạch Thị Si V2, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1:* Ông Thạch Khem Ma R, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019) (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Ông Thạch Si P, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Trần Hoàng Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ liên hệ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền 762 ngày 25/11/2025) (có mặt).

2. Ông Thạch Si P3, sinh năm 1946 (chết ngày 24/01/2022);

*Người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Si P3:*

1. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1961 (vợ S - vắng mặt)

2. Bà Thạch Thị Chanh Đ, sinh năm 1978 (chết 6/11/2021)

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của chị Chanh Đ:*

- Ông Thạch Đ1, sinh năm 1978 (chồng C - vắng mặt);

- Anh Thạch Đô N7, sinh năm 2000 (con C - vắng mặt);

- Chị Thạch Thị Đô N2, sinh năm 2001 (con C - vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Thạch Thị Si Phone Đ2, sinh năm 1980 (con Si Phone - vắng mặt);

4. Bà Thạch Thị Si Phone T2, sinh năm 1982 (con Si Phone - vắng mặt);

5. Ông Thạch Vy Chất Ta R2, sinh năm 1987 (con Si Phone - vắng mặt);

6. Bà Thạch Thị Tha L, sinh năm 1988; (con Si Phone - vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Con T3, sinh năm 1965 (vợ ông Si P - vắng mặt);

2. Bà Thạch Thị Tha R3, sinh năm 1986 (con ông Si P - vắng mặt);

*Người đại diện theo ủy quyền của Con T3, Tha R:* Bà Trần Hoàng Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ liên hệ: Khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền 762 ngày 25/11/2025) (có mặt).

3. Bà Thạch Thị My N3, sinh năm 1988 (con ông Si P - vắng mặt).

4. Ông Thạch Si P1, sinh năm 1984 (con ông Si P - vắng mặt).

5. Ông Thạch Ra Ta N4, sinh năm 1990 (con ông Si P - vắng mặt).
6. Bà Thạch Thị Su N5, sinh năm 2002 (con ông Si P - vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
7. Bà Đoàn Thị T4, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).
8. Bà Thạch Thị Sa R4, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).
9. Ông Thạch Si P2, sinh năm 1950; Địa chỉ: B Street Lum G G Village Thmey C P, Campuchia (vắng mặt).
10. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là “UBND”) huyện T, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh;  
*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn H, Chức vụ: Chủ tịch UBND (có đơn xin xét xử vắng mặt).
11. Ngân hàng N9 - Chi nhánh huyện T; Địa chỉ: Số B, khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).
12. Bà Nguyễn Thị Đ3, sinh năm 1957 (vắng mặt);
13. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 (vắng mặt);  
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Thạch Chanh Đa M1, sinh năm 1992; Công tác tại Công ty TNHH T8 (có mặt).
- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn ông Thạch Khem Ma R.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/4/2023 đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/5/2023 và lời khai nguyên đơn ông Thạch K Ma Ra đại diện trình bày và có yêu cầu như sau:***

Cụ Thạch K1 (chết năm 2013) và cụ Thạch Thị Y (chết năm 2009) có 04 người con gồm:

1. Ông Thạch S.
2. Ông Thạch Si T5 (chết năm 2019) có vợ là Thạch Thị V và 06 người con: Thạch Thị T, sinh năm 1984, Thạch Khem M2, sinh năm 1986, Thạch Si R1, sinh năm 1994, Thạch Su V, sinh năm 1979, Thạch Si T1, sinh năm 1983, Thạch Thị Si V2, sinh năm 1988.
3. Ông Thạch Si P2.
4. Ông Thạch Si P3 (chết ngày 24/01/2022) có vợ là bà Thạch Thị N6 và 05 người con là Thạch Thị Si P3 Đi; Thạch Thị Si Phone T2; Thạch Vy C Ra; Thạch Thị Tha L; Thạch Thị Chanh Đ, sinh năm 1978, đã chết vào năm 06/11/2021.

Người thừa kế, thế vị của chị Chanh Đ: cháu Thạch Thị Đô N7, sinh năm 2000, cháu Thạch Thị Đô N2, sinh năm 2001.

Lúc còn sống cụ K1 và cụ Y sống chung với con ruột là ông Thạch Si P và tất cả tài sản do cụ K1, cụ Y trực tiếp canh tác và quản lý chia cho các con canh tác xoay vòng hàng năm.

Ông Thạch Si Phương đang quản lý, sử dụng các thửa đất gồm:

- Thửa đất 1030, diện tích 310m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1033, diện tích 890m<sup>2</sup>, loại đất: ONT + CLN và trên phần đất có căn nhà cấp 4 của cụ K1, cụ Y xây dựng từ năm 1988.
- Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
- Thửa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.
- Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K
- Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

Tất cả các thửa đất trên đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là “GCN.QSDD”) cho ông Thạch Si P.

+ Hộ ông Thạch Si P3 đang quản lý sử dụng các thửa gồm:

- Thửa đất 1538, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1539, diện tích 1.010m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

UBND huyện T có thu hồi đất làm kênh bồi hoàn cho ông Thạch Si P nhận tiền bồi thường bằng 54.628.200 đồng.

Nay ông Thạch K Ma Ra đại diện cho các nguyên đơn yêu cầu như sau:

- Hủy GCN.QSDD cấp cho hộ ông Thạch Si P3 và Thạch Si P; chia thừa kế cho các nguyên đơn được hưởng một suất thừa kế (hưởng phần của ông Thạch Si T5) gồm:

- Một căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất 1033 do cụ Thạch K1 để lại hiện ông Thạch Si P đang quản lý.

- Số tiền bồi thường 54.628.200 đồng do UBND huyện thu hồi đất do ông Si P nhận (tại thửa đất 823 diện tích 690,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 6, ấp C, xã P).

- Hưởng một suất thừa kế của các thửa đất số 1030, thửa 1033, thửa 1533, thửa 1534, thửa 1535, thửa 1536, thửa 1538, thửa 1539, thửa 1542, thửa 1543, thửa 1545, thửa 1546, thửa 1550, thửa 1554, thửa 1556, thửa 1557 và thửa đất số 1558 hiện nay ông Si P và vợ ông Si P3 là bà Thạch Thị N1 đang quản lý.

***Bị đơn ông Thạch S trình bày và có yêu cầu như sau:***

Ông thông nhất lời khai của nguyên đơn về hàng thừa kế và thời hạn mở thừa kế. Khi còn sống cụ K1 và cụ Y đã chia đất cho anh em ông mỗi người 05 công đất. Phần đất hiện trạng là rừng lá không ai lấy nên cụ K1, cụ Y mới cho ông và ông khai phá cải tạo lên vườn trồng cây. Năm 1991 ông đăng ký kê khai và được cấp GCN.QSĐĐ đối các thửa:

- Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
- Thửa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.
- Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K.
- Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

Đối với thửa đất 1030 và 1033, cha ông là cụ Thạch K1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ3 và ông Nguyễn Văn M vào năm 2005 ngang 10 m dài hết đất còn lại hơn 10 mét thì cụ K1 cho ông vào năm 2011, đến ngày 26/10/2011 ông được cấp GCN.QSĐĐ thửa mới là 62 tờ bản đồ số 44 diện tích 798,9m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng đất vào năm 2015 ông có chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị T4 389,9m<sup>2</sup> (tách từ thửa 1033 cũ thửa mới là 62) và bà T4 được UBND huyện T cấp ngày 05/02/2015 thửa mới là 71 tờ bản đồ số 44. Phần còn lại thửa 62 tờ bản đồ số 44 ngày 05/02/2015 ông được cấp mới GCN.QSĐĐ thửa mới là 70 tờ bản đồ số 44 diện tích 409m<sup>2</sup> (có 100m<sup>2</sup> đất ở và 309m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm).

- Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa và thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa năm 2017 ông chuyển nhượng cho bà Thạch Thị Sa R4, bà R4 sử dụng từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay đã làm thủ tục chuyển nhượng xong thửa 1533 diện tích 3.230m<sup>2</sup> cho bà Sa R4 đứng tên còn lại thửa 1534 chưa

làm xong thủ tục do bị bên Thạch Si T5 tranh chấp.

Căn nhà cấp 4 của cụ K1 xây dựng khi tặng cho thửa đất 1033 thì tặng cho ông luôn căn nhà. Riêng tiền nhà nước thu hồi đất của ông để làm kênh thủy lợi không phải là di sản thừa kế.

Nay, theo yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông không đồng ý. Bởi vì các tài sản trên không phải là di sản của cụ K1, cụ Y để lại. Do khi còn sống cụ K1, cụ Y đã phân chia hết cho các con.

**Theo lời khai của bà Thạch Thị N1 người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch Si P3:**

Bà là vợ của ông Thạch Si P3, bà và ông Si P3 chung sống với nhau có 05 người con là Thạch Thị Si P3 Đi, Thạch Thị Chanh Đ; Bà Thạch Thị Si Phone T2, Thạch Vy Chát Ta R, Thạch Thị Tha L. Thạch Thị Chanh Đ đã chết ngày 06/11/2021, Chanh Đ có 02 người con là Thạch Thị Đô N7 và Thạch Thị Đô N2.

Khi cụ Thạch K1 và cụ Thạch Thị Y còn sống có chia đất cho các con hết, vợ chồng bà được chia cho 5 công đất ruộng hiện nay đã lên vườn trồng dưa và một nền nhà ngang 13m, ông Si T5 (cha của ông Thạch Khem Ma R) được cụ Thạch K1 cho 10 công ruộng và 7 mét ngang nền nhà. Việc vợ và các con ông Si T5 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bà không đồng ý vì cụ K1 và cụ Y đã chia đất cho các con xong. Hiện nay không còn di sản thừa kế. Bà N1 không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, bà N1 cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

**Theo lời khai của ông Thạch Si P2:** Ông thống nhất theo lời khai nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế. Tài sản của cha mẹ đã phân chia cho 4 người con, mỗi người bằng nhau. Cha mẹ mất để lại một thửa đất rộng 40 mét dài 100 mét sát Quốc lộ ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh xin chia làm 4 phần mỗi người con hưởng một phần bằng nhau. Trường hợp Tòa án phân chia đất cho ông thì ông giao lại cho anh em ông quản lý để thờ cúng cha mẹ.

**Theo lời khai của bà Thạch Thị Sa R4:** Vào năm 2017 bà có nhận chuyển nhượng của ông Thạch Si P thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa và thửa đất 1534, diện tích 1.860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa với giá 55.000.000 đồng/công. Bà canh tác lúa được 02 năm thì lên líp trồng cây lâu năm (Mít). Hiện nay đã làm thủ tục sang tên xong thửa thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, còn thửa 1534 bị Văn phòng đăng ký đất trả lại do bên ông Si T5 tranh chấp, bà còn nợ lại ông Si P 20.000.000 đồng. Nay bà Sa R4 yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất đã chuyển nhượng. Giữa bà và ông Si P thỏa thuận nhau việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất diện tích còn lại chưa làm xong thủ tục không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Đ3:** Vào năm 2005 cụ Thạch K1 có chuyển nhượng cho bà 660m<sup>2</sup> đất (ngang 10m dài 60m) hai bên đã làm xong thủ tục chuyển nhượng và bà cùng chồng là ông M được cấp quyền sử dụng thửa đất thửa mới số 2249 diện tích 660m<sup>2</sup> bà sử dụng từ khi chuyển nhượng cho đến nay. Nay yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

**Theo văn bản số 1532/UBND-NC ngày 03/6/2021 của UBND huyện T:** Đối với tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, UBND huyện không có ý kiến. Riêng việc yêu cầu hủy GCN.QSDD, UBND huyện không đồng ý, đề nghị Tòa án nhân dân các cấp giải quyết theo quy định.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T4, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T vắng mặt nên không có lời khai.*

**\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã quyết định:**

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 623, Điều 649, Điều 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạch K1 và cụ Kim Thị Y1 gồm: Ông Thạch Si P; Ông Thạch Si P2; Ông Thạch Si T5 (chết năm 2019) người thừa kế của ông Thạch Si T5 gồm vợ là Thạch Thị V và 06 người con Thạch Thị T, Thạch Khem MaRa, Thạch Si R1, Thạch Su V, Thạch Si T1, Thạch Thị Si V2; Ông Thạch Si P3 (chết ngày 24/01/2022) người thừa kế ông Thạch Si P3 gồm có: vợ là bà Thạch Thị N1 và 05 người con là Thạch Thị Si Phone Đ2, Thạch Thị Si Phone T2, Thạch Vy C Ra, Thạch Thị Tha L và Thạch Thị Chanh Đ. Thạch Thị Chanh Đ đã chết ngày 06/11/2021. Người thừa kế thế vị của chị Chanh Đ: Thạch Đô N7 và Thạch Thị Đô N2.

3. Chia cho ông Thạch Si P được hưởng thừa đất số 1030 diện tích 310 m<sup>2</sup> loại đất cây lâu năm và căn nhà cấp 4 do ông Thạch Si P đang quản lý tọa lạc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Buộc ông Thạch Si P thanh toán giá trị thừa kế của ông Thạch Si T5 được hưởng bằng 21.153.825 đồng (*Hai mươi một triệu một trăm năm mươi ba ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng*). Số tiền này bà Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R là người thừa kế của ông Thạch Si T5 được nhận.

5. Hộ gia đình ông Thạch S được tiếp tục sử dụng:

- Thừa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
- Thừa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.

- Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K.
- Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 70 diện tích 409m<sup>2</sup>, loại đất ONT- CLN.

6. Hộ gia đình bà Thạch Thị N1 được tiếp tục sử dụng:

- Thửa đất 1538, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1539, diện tích 1.010m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

7. Bà Đoàn Thị T4 được tiếp tục sử dụng thửa đất số 71 diện tích 389,9m<sup>2</sup> loại đất ONT-CLN.

8. Bà Nguyễn Thị Đ3 và ông Nguyễn Văn M được tiếp tục sử dụng thửa 2249 diện tích 660m<sup>2</sup> - đất CLN.

9. Chị Thạch Thị Sa R4 được tiếp tục sử dụng: Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa; chị S1 và ông Thạch Si P được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất thửa đất 1534, diện tích 1.860m<sup>2</sup>.

Đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy GCN.QSĐĐ nguyên đơn, về án phí dân sự sơ thẩm, về lệ phí ủy thác tư pháp, về chi phí thẩm định, định giá, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04/9/2023, ông Thạch Khem Ma R là nguyên đơn và cũng là người được các đồng nguyên đơn ủy quyền gồm bà Thạch Thị V, bà Thạch Su Na V3, ông Thạch Si T1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Si V2 và ông Thạch Si R1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung kháng cáo:

Cụ Thạch Thị Y - chết năm 2009 và cụ Thạch K1 - chết năm 2013 có 4 người con chung như nội dung án sơ thẩm xác định nêu trên.

Về tài sản cụ Y và cụ K1 chết để lại có:

1. Một căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất 1033 hiện do ông Thạch Si P đang quản lý.

2. Số tiền 54.628.200 đồng do UBND huyện T thu hồi đất làm kênh (thửa 823) do ông Thạch Si P nhận.



3. 17 thửa đất đo đạc ngày 24/3/2023, các thửa đất và diện tích hiện nay như sau:

+ Thửa 1030, thửa 1033 tờ bản đồ số 11, tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, diện tích 1.628,2m<sup>2</sup>.

+ Thửa đất 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1542, 1543, 1545, 1546, 1550, 1554, 1556, 1557 và 1558, tờ bản đồ số 11, tại ấp C, xã P, huyện T, tổng diện tích 27.487m<sup>2</sup>.

- Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác định chính xác sự thật khách quan của vụ án; chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, nên quyết định của Tòa sơ thẩm là chưa đúng quy định.

Tại Đơn kháng cáo bổ sung ngày 18/12/2024 và Đơn trình bày kháng cáo bổ sung ngày 18/3/2025, đại diện nguyên đơn ông Thạch K Ma Ra giữ nguyên lý do kháng cáo nêu trên và yêu cầu cụ thể:

1. Yêu cầu Tòa phúc thẩm chia thửa đất số 1030, diện tích 310m<sup>2</sup> làm hai phần bằng nhau cho Thạch Si P và Thạch Si T5 (do các đồng nguyên đơn hưởng).

2. Chia đất canh tác xuyên vòng các thửa đất do ông Thạch Si P và Thạch Si P3 đứng tên cho các đồng nguyên đơn được hưởng một suất thừa kế.

3. Yêu cầu chia số tiền 54.628.200 đồng cho các đồng nguyên đơn được hưởng một suất thừa kế.

4. Yêu cầu giải quyết cho nguyên đơn hưởng giá trị cây trồng trên đất tranh chấp do thời gian năm 1993 đến năm 1998 các thửa đất canh tác xoay vòng do gia đình nguyên đơn canh tác, đóng thuế và gia đình ông Thạch Si P sinh sống ở Campuchia.

5. Yêu cầu chia cho nguyên đơn một suất thừa kế đối với căn nhà gắn liền thửa đất 1033 hiện nay là thửa đất 70 do ông Thạch Si P đứng tên giấy chứng nhận.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:***

- *Người đại diện của nguyên đơn có kháng cáo - ông Thạch K Ma Ra trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như nêu trên; đồng ý theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/02/2023 và Biên bản định giá tài sản ngày 04/4/2023 của Tòa sơ thẩm lập. Ông Ma R yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn.

- *Bà Trần Hoàng Q đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Bảo lưu lời trình bày của ông Thạch Si P như nội dung án sơ thẩm nêu, đồng ý với nhận định và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- *Bà Thạch Thị Sa R4 trình bày:* Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm phần liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông Thạch Si P tại thửa đất 1533 và 1534.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- *Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm.

- *Về nội dung:* Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn do ông Thạch K Ma Ra làm đại diện, giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

**- Về thủ tục:**

[1] Kháng cáo của ông Thạch Khem Ma R cũng là đại diện các đồng nguyên đơn còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có kháng cáo được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt.

**- Về nội dung:**

Đối với kháng cáo của các đồng nguyên đơn do ông Thạch Khem Ma R làm đại diện, xét:

[1] Về hàng thừa kế:

Cụ Thạch K1 (chết năm 2013) và cụ Thạch Thị Y (chết năm 2009) có 04 người con, gồm:

- Ông Thạch Si P;

- Ông Thạch Si P2;

- Ông Thạch Si T5 (chết năm 2019) có vợ là Thạch Thị V và 06 người con Thạch Thị T, Thạch Khem MaRa, Thạch Si R1, Thạch Su V, Thạch Si T1, Thạch Thị Si V2.

- Ông Thạch Si P3 (chết ngày 24/01/2022) có vợ là bà Thạch Thị N1 và 04 người con là Thạch Thị Si Phone Đ2, Thạch Thị Si Phone T2, Thạch Vy C Ra, Thạch Thị Tha L và Thạch Thị Chanh Đ {Thạch Thị Chanh Đ (đã chết ngày 06/11/2021). Người thừa kế thế vị của chị Chanh Đ: Thạch Đô N7 (con C) Thạch Thị Đô N2 (con C)}.

[2] Di sản thừa kế:

Ông Thạch Khem Ma R khai cụ Thạch K1 và Thạch Thị Y chết để lại di sản gồm:

- + Một căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất 1033 do ông Si P quản lý.
- + Đất gồm các thửa đất sau:
  - Thửa đất 1030, diện tích 310m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
  - Thửa đất 1033, diện tích 890m<sup>2</sup>, loại đất: ONT + CLN.
  - Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
  - Thửa đất 1534, diện tích 1.860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
  - Thửa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
  - Thửa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.
  - Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
  - Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
  - Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
  - Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
  - Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
  - Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
  - Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
  - Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K.
  - Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

Tất cả các thửa đất trên đã được UBND huyện T cấp GCN.QSĐĐ cho ông Thạch Si P.

Hiện nay gia đình ông Thạch Si P3 đang quản lý, sử dụng các thửa gồm:

- Thửa đất 1538, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1539, diện tích 1.010m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

+ Ông Thạch Si P nhận tiền Nhà nước bồi hoàn làm kênh (thửa 823) 54.628.200 đồng.

Ông Thạch Si P và bà Thạch Thị N1 (vợ ông Thạch Si P3) khai khi còn sống cụ K1 và cụ Y đã chia tài sản xong cho các con hiện nay không còn di sản thừa kế, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn do ông Thạch Khem Ma R làm đại diện.

[3] Theo tư liệu địa chính năm 1991 thể hiện:

- + Cụ T được cấp quyền sử dụng:
  - Thửa đất 1030, diện tích 310m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
  - Thửa đất 1033, diện tích 1550m<sup>2</sup>, loại đất: ONT + CLN.

+ Ông Thạch Si P được cấp quyền sử dụng:

- Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa.
- Thửa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
- Thửa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.
- Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K.
- Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

+ Ông Thạch Si P3 được cấp quyền sử dụng:

- Thửa đất 1538, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1539, diện tích 1.010m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

+ Bà Thạch Thị V (vợ ông Thạch Si T5) được cấp quyền sử dụng thửa số 1031 diện tích 340 m<sup>2</sup>, thửa 1032 diện tích 620 m<sup>2</sup>, thửa 1548 diện tích 2.490m<sup>2</sup> (thửa 1031, 1032 vào năm 2005, bà V cùng chồng là Thạch Si T5 và các con đã chuyển nhượng cho ông Ngô Văn N8).

+ Ông Thạch Si P2 cũng có cấp quyền sử dụng đất thửa 1547, 1555. Hiện nay, ông Si P2 chuyển nhượng lại cho con ông Thạch Si P là Kim Sa Mê An Py S2 và chị Thạch Thị Tha R3, năm 2017 chị Tha R3 và anh Py S2 làm hợp đồng tặng cho lại ông Thạch Si T5.

- Theo tư liệu địa chính năm 1983, cụ Thạch Kim C đứng tên sử dụng thửa đất 631, diện tích 3.320 m<sup>2</sup> loại đất TQ, thửa 901 diện tích 4.710 m<sup>2</sup> loại đất TQ, thửa 925, diện tích 2000 m<sup>2</sup> lại đất Lúa. Diện tích đất Lúa còn lại do Tập đoàn B quản lý (BL 811).

- Năm 1991, cụ Thạch K1 đăng ký kê khai được cấp quyền sử dụng đất lần đầu thửa đất 1030, diện tích 310m<sup>2</sup>, loại đất: CLN; thửa đất 1033, diện tích 1550m<sup>2</sup>, loại đất: ở ông thôn (ONT) + đất trồng cây lâu năm (CLN).

- Thửa đất số 1033, năm 2005, cụ Thạch K1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ3 660m<sup>2</sup>, năm 2011, cụ Kim T6 cho toàn bộ diện tích còn lại của thửa đất 1033 cho ông Thạch Si P. Năm 2015, ông Si P tách ra diện tích 389,9m<sup>2</sup> chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị T4.

Theo hướng dẫn tại điểm 1.1 mục 1 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP

ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “*Đối với đất do người chết để lại (không phân biệt có tài sản hay không có tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất) mà người đó đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 thì quyền sử dụng đất đó là di sản.*”. Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 1030 và Thửa đất 1033 cùng căn nhà gắn liền với đất thửa 1033 (nay là thửa 70), là tài sản chung của cụ K1 và cụ Y để lại theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959.

Việc xác định di sản của cụ K1, cụ Y cụ thể như sau:

[3.1] Cụ Thạch Thị Y chết năm 2009 là thời điểm mở thừa kế. Cụ Y chết không để lại di chúc, nên phần di sản của cụ Y là  $\frac{1}{2}$  diện tích thửa đất 1030 và thửa 1033 cùng căn nhà gắn liền với thửa đất 1033.

- Chia thừa kế thửa đất 1030 và thửa đất 1033, cùng căn nhà gắn liền thửa đất 1033:

- Thửa đất số 1033 diện tích 1.550m<sup>2</sup> - đất thổ quả hiện nay gọi là đất ở nông thôn (ONT) và đất trồng cây lâu năm (CLN) hộ cụ Thạch K1 được UBND huyện T cấp GCN.QSĐĐ số phát hành H 676330 vào ngày 07/5/1997. Năm 2005, cụ Thạch K1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ3 diện tích 660m<sup>2</sup>, đến ngày 22/02/2006, bà Nguyễn Thị Đ3 và ông Nguyễn Văn M được UBND huyện T cấp GCN.QSĐĐ số vào sổ cấp GCN.QSĐĐ: H00415 đổi thành thửa mới là thửa 2249 diện tích 660m<sup>2</sup> - đất CLN. Phần đất còn lại thửa 1033 là 890m<sup>2</sup> đất ONT - CLN hộ ông Thạch K1 được UBND huyện T cấp GCN.QSĐĐ đất số phát hành AC 459339 vào ngày 22/02/2006, trong đó có 200m<sup>2</sup> - đất ONT và 690m<sup>2</sup> - đất CLN (trong giấy chứng nhận có nêu: Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác). Năm 2011, cụ Thạch Kim T6 cho thửa đất 1030 và toàn bộ quyền sử dụng đất còn lại thửa 1033 cho ông Thạch Si P, và khi ông Thạch Si P kê khai đăng ký thì thửa 1033 chuyển thành thửa mới là thửa 62, tờ bản đồ số 44 có diện tích đo đạc thực tế là 798,9m<sup>2</sup>, đến ngày 26/10/2011 ông Thạch Si P được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BH 433054 đối với thửa đất số 62 (cũ là thửa 1033) có diện tích 798,9m<sup>2</sup> - đất ONT + CLN (trong đó đất ONT là 200m<sup>2</sup> + đất CLN là 598,9m<sup>2</sup>). Năm 2015, ông Thạch Si P chuyển nhượng một phần thửa 62 (cũ là 1033) cho bà Đoàn Thị T4, diện tích 389,9m<sup>2</sup> - đất ONT + CLN (trong đó đất ONT là 100m<sup>2</sup> + đất CLN là 289,9m<sup>2</sup>) ngày 05/02/2015 bà Đoàn Thị T4 được UBND huyện T cấp GCN.QSĐĐ số phát hành BY 722108 thửa mới là 71 (thửa cũ 62) tờ bản đồ số 44 diện tích 389,9m<sup>2</sup> - đất ONT + CLN. Phần còn lại thửa 62 cùng ngày 05/02/2015 ông Thạch Si P cũng được UBND huyện T cấp mới GCN.QSĐĐ số phát hành BY 722107 thửa mới là 70 (thửa cũ 62) tờ bản đồ số 44 diện tích 409m<sup>2</sup> - đất ONT + CLN (trong đó đất ONT là 100m<sup>2</sup> + đất CLN là 309m<sup>2</sup>).

Như vậy, thửa đất 1033 phần diện tích cụ Thạch K1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ3 vào năm 2005 và bà Đ3, ông M được cấp GCN.QSĐĐ như nêu trên là thời gian cụ K1, cụ Y còn sống nên là hợp pháp. Vì thế, năm 2009 cụ Y chết di sản còn lại của cụ K1, cụ Y đối với thửa đất 1033 là 798,9m<sup>2</sup> - đất ONT

+CLN (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất thổ và 598,9m<sup>2</sup> - đất CLN - theo thực tế đo đạc khi cấp giấy chứng nhận cho ông Thạch Si P) và căn nhà gắn liền với đất. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 04/4/2023 thì đất ở nông thôn có giá = 2.700.000 đồng/m<sup>2</sup> x 200 m<sup>2</sup> = 540.000.000 đồng + giá đất trồng cây lâu năm có giá = 1.767.000 đồng/m<sup>2</sup> x 598,9 m<sup>2</sup> = 1.058.256.300 đồng + căn nhà có giá = 84.615.300 đồng + thửa đất thừa 1030 diện tích 310m<sup>2</sup> x 1.767.000 đồng/m<sup>2</sup> = 547.770.000 đồng.

Tổng cộng giá trị đất thừa 1030 và 1033 (thửa mới là 62) và căn nhà gắn liền thừa 1033 (thửa mới là 62 - tờ bản đồ số 44) là: 2.230.641.600 đồng là tài sản chung của cụ K1, cụ Y. Trong đó phần di sản của cụ Y để lại trị giá bằng 2.230.641.600 đồng : 2 phần = 1.115.320.800 đồng. Cụ Y chết năm 2009 thừa kế được mở, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Y là 04 người con chung và cụ K1. Tổng cộng là 5 phần, nên di sản của cụ Y là số tiền 1.115.320.800 đồng : 5 phần bằng = 223.064.160 đồng. Vì vậy, phần di sản của cụ K1 được xác định là: {1.115.320.800 đồng + 223.064.160 đồng (phần hưởng thừa kế 1 ký phần của cụ Y)} = 1.338.384.960 đồng. Năm 2011 cụ Kim T6 cho ông Thạch Si P toàn bộ nhà, đất tại thửa 1030 và thửa 1033 (thửa mới là thửa 62, tờ bản đồ số 44) có giá trị 2.230.641.600 đồng là vượt quá phần tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của cụ K1 (phần vượt quá không có hiệu lực là 892.256.640 đồng) nên số tiền 892.256.640 đồng được xác định là di sản của cụ Y để lại (số tiền 1.338.384.960 đồng là tài sản của cụ K1 đã cho ông Thạch Si P năm 2011 trước khi chết nên không còn là di sản thừa kế).

Quá trình giải quyết vụ án, các thừa kế của ông Thạch Si P3 và cá nhân ông Thạch Si P2 không yêu cầu chia và nhận di sản, nên phần di sản của cụ Y số tiền 892.256.640 đồng được chia cho ông Thạch Si P ½ và ông Thạch Si T5 (ông T5 chết nên các đồng nguyên đơn được hưởng thừa kế) ½ (mỗi ký phần bằng 446.128.320 đồng). Ông Si P được tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà gắn liền phần còn lại thửa đất 62, tờ bản đồ số 44 (thửa cũ là 1033 thửa mới hiện tại là thửa 70, tờ bản đồ số 44. Phần chuyển nhượng cho bà T4 ông Thạch Si Phương T7 chịu trách nhiệm vì đã nhận đủ tiền chuyển nhượng của bà T4 và bà T4 đã được cấp GCN.QSDD.

[4] Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu chia các thửa đất do ông Thạch Si P đứng tên và yêu cầu hưởng giá trị cây trồng trên đất, xét:

Ông Thạch K Ma Ra trình bày 17 thửa đất đang tranh chấp là của ăn chung cha anh và các anh em sử dụng xoay vòng đến năm 2004 ông Si P canh tác và lấy hết đất không chịu đưa lại cho gia đình nguyên đơn canh tác. Ông Si P và bà N1 (vợ ông Si P3) không thừa nhận đây là đất ăn chung theo phong tục của người dân tộc Khmer, nên ông Thạch Khem Ma R cho rằng đất ăn chung của cha ông là Thạch Si T5 cùng với ông Thạch Si P2, ông Thạch Si P3, ông Thạch Si P là không có căn cứ, vì cụ Thạch K1 đến năm 2013 mới chết. Tập quán ăn chung của dân tộc Khmer sử dụng đất chung xoay vòng hàng năm. Khi cụ K1 chia đất cho các con ai cũng có phần và đã đăng ký kê khai, đã được cấp GCN.QSDD, ông Thạch Khem Ma R cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh 17 thửa đất đang

tranh chấp là đất sản xuất xoay vòng và cây trồng trên đất là của gia đình ông, nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ.

[5] Xét yêu cầu của các nguyên đơn yêu cầu ông Thạch Si P chia tiền nhà nước bồi hoàn làm kênh 54.628.200 đồng: Số tiền này nhà nước thu hồi đất của ông Thạch Si P tại thửa đất 823 nên bồi hoàn cho ông Thạch Si P, không phải bồi hoàn cho cụ K1 nên đây không phải là di sản thừa kế của cụ K1.

[6] Thửa đất 1533 diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa; thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup> ông Thạch Si P chuyển nhượng cho bà Thạch Thị Sa R4, bà Sa R4 đã cải tạo đất trồng cây lâu năm thửa đất số 1533 hai bên làm xong thủ tục chuyển nhượng. Riêng thửa 1534 chưa thực hiện xong các bên được tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Thạch Khem Ma R (là người đại diện các đồng nguyên đơn), sửa án sơ thẩm, chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 1033 (thửa mới là thửa 62) cùng căn nhà trên thửa đất 1033 (nay là thửa 70 tờ bản đồ số 44) và thửa 1030 như nêu trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia.

[9] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Thạch Khem Ma R phải chịu 200.000 đồng.

[10] Về chi phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu chi phí thẩm định, định giá theo quy định của pháp luật.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Thạch Khem Ma R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Thạch K Ma Ra số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng đã nộp (do bà Thạch Si R1 nộp thay, hoàn trả cho ông Ma R) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018025 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, các điều 147, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 609, 611, 612, 620, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đồng nguyên đơn ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R do ông Thạch Khem Ma R làm đại diện, sửa

một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

**3.** Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1, ông Thạch Khem Ma R.

**4.** Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thạch K1 và cụ Kim Thị Y1 gồm: Ông Thạch SiPhuong; ông Thạch Si P2; ông Thạch Si T5 (chết năm 2019) người thừa kế của ông Thạch Si T5 gồm vợ là Thị Thị V và 06 người con Thạch Thị T, Thạch Khem MaRa, Thạch Si R1, Thạch Su V, Thạch Si T1, Thạch Thị Si V2; ông Thạch Si P3 (chết ngày 24/01/2022) người thừa kế ông Thạch Si P3 gồm có: vợ là bàThạch Thị N6 và 04 người con là Thạch Thị Si Phone Đ2, Thạch Thị Si Phone T2, Thạch Vy C Ra, Thạch Thị Tha L và Thạch Thị Chanh Đ, Thạch Thị Chanh Đ đã chết ngày 06/11/2021. Người thừa kế thế vị của chị Thạch Thị Chanh Đ: Thạch Đô N7 (con C) Thạch Thị Đô N2 (con Chanh Đa).

**5.** Chia cho thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất 1030 và thừa đất 1033 (thừa mới năm 2011 là 62 và nay là 70, tờ bản đồ 44) và căn nhà gắn liền thừa đất 1033 (chia bằng giá trị) như sau:

**5.1.** Chia cho ông Thạch Si P số tiền 446.128.320 (bốn trăm, bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, bà trăm hai mươi) đồng.

**5.2.** Chia cho ông Thạch Si T5 (do các đồng nguyên đơn nhận, gồm: ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R) số tiền 446.128.320 (bốn trăm, bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi tám ngàn, bà trăm hai mươi) đồng. Trong đó, ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R mỗi người được nhận số tiền: 63.732.617 (sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm mười bảy) đồng.

**5.3.** Ông Thạch Si P được trọn quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền thừa đất 1033 (thừa mới năm 2011 là thừa 62 nay là thừa 70, tờ bản đồ số 44 diện tích 409m<sup>2</sup> - đất ONT + CLN) và thừa 1030 - diện tích 310m<sup>2</sup> - đất CLN; (nhà, đất hiện do ông Thạch Si P quản lý, sử dụng).

**5.4.** Ông Thạch Si P có nghĩa vụ trả ra cho ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R mỗi người số tiền: 63.732.617 (sáu mươi ba triệu, bảy trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm mười bảy) đồng.

**6.** Hộ gia đình ông Thạch Si P được tiếp tục sử dụng:

- Thừa đất 1535, diện tích 3.240m<sup>2</sup>, loại đất: Chuyên dùng khác.
- Thừa đất 1536, diện tích 1.100m<sup>2</sup>, loại đất: BHK.



- Thửa đất 1542, diện tích 250m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1543, diện tích 1.650m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1545, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1546, diện tích 1.720m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1550, diện tích 2.450m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1554, diện tích 840m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1556, diện tích 2.110m<sup>2</sup>, loại đất: LUC.
- Thửa đất 1557, diện tích 640m<sup>2</sup>, loại đất: LN.K.
- Thửa đất 1558, diện tích 400m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

**7.** Hộ gia đình bà Thạch Thị N1 được tiếp tục sử dụng:

- Thửa đất 1538, diện tích 1.410m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.
- Thửa đất 1539, diện tích 1.010m<sup>2</sup>, loại đất: CLN.

**8.** Bà Đoàn Thị T4 được tiếp tục sử dụng thửa đất số 71 diện tích 389,9 m<sup>2</sup> loại đất ONT-CLN.

**9.** Bà Nguyễn Thị Đ3 và ông Nguyễn Văn M được tiếp tục sử dụng thửa 2249, diện tích 660m<sup>2</sup> - đất CLN.

**10.** Chị Thạch Thị Sa R4 được tiếp tục sử dụng: Thửa đất 1533, diện tích 3.230m<sup>2</sup>, loại đất: Lúa; chị S1 và ông Thạch Si P được tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất thửa đất 1534, diện tích 1860m<sup>2</sup>.

Đất tọa lạc tại ấp Cầu Tre, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**11.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Thạch Si T5 và bà Thạch Thị V do là người cao tuổi.

- Ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R mỗi người phải nộp 3.186.630 đồng; phần ông Thạch Khem Ma R đã nộp 10.500.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003777 ngày 18/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh được khấu trừ còn lại 7.313.370 đồng hoàn trả lại cho ông Thạch K Ma Ra.

- Về lệ phí ủy thác tư pháp: Anh Thạch Khem Ma R phải chịu 200.000 đồng, anh Ma R đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0004017 ngày 01/3/2021 nên cần trừ.

**12.** Về chi phí thẩm định, định giá: Tổng cộng 76.251.000 đồng; ông Thạch Si R1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị V, bà Thạch Thị Si V2, bà Thạch Su Va N, ông Thạch Si T1; ông Thạch Khem Ma R liên đới chịu 38.125.500 đồng; ông Thạch Si P phải chịu 38.125.500 đồng.

Ông Thạch Khem Ma R đã nộp tạm ứng 76.251.000 đồng nên ông Thạch Si P có nghĩa vụ hoàn trả ông Thạch K Ma Ra 38.125.500 đồng.

**13. Án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Thạch Khem Ma R không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông Thạch K Ma Ra số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng đã nộp (do bà Thạch Si R1 nộp thay, hoàn trả cho ông Ma R) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018025 ngày 18/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

**14. Trên các thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Thạch Si P nếu các đồng nguyên đơn có đang quản lý thì phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Thạch Si P khi ông Thạch Si P có yêu cầu.**

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**15. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT (5), HS (2), 30b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tửu**